

Ayun Pa, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023
cho các xã, phường

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của HĐND thị xã Quy định nguyên tắc, tiêu chí và mức phân bổ dự toán chi thường xuyên giai đoạn 2022 -2025 trên địa bàn tỉnh thị xã Ayun Pa;

Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Khóa XIII - Kỳ họp thứ Mười hai về Phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2023;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - KH tại Văn bản số 96/YKĐX-TCKH ngày 22/12/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, dự toán chi ngân sách nhà nước của các xã, phường năm 2023 (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 được giao, Ủy ban nhân dân các xã, phường trình HĐND cùng cấp quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách cấp mình, theo đó phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành về chính sách tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2023 từ một phần thu được để lại theo chế độ quy định;

tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2022 còn dư chuyển sang (nếu có). Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách cấp xã so với dự toán năm 2022 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2023.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường khi phân bổ và giao dự toán phải xác định dành tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2023 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để thực hiện cải cách tiền lương năm 2023. Số tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2023 của các xã, phường đảm bảo không thấp hơn mức UBND thị xã giao. Đối với Sự nghiệp giáo dục – Đào tạo và dạy nghề phân bổ chi ngân sách không được thấp hơn mức UBND thị xã giao.

3. Chủ động bố trí ngân sách cấp xã, nguồn kinh phí ngân sách cấp huyện hỗ trợ (nếu có) và các nguồn hợp pháp khác để bố trí đầy đủ kinh phí đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương và địa phương ban hành theo đúng chính sách, chế độ, chi trả kịp thời đúng đối tượng quy định. Căn cứ kết quả thực hiện Ủy ban nhân dân các xã, phường có báo cáo gửi Phòng Tài chính-Kế hoạch tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí cho ngân sách cấp xã theo chế độ quy định.

4. Đối với nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất (Sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã được để lại 80% cho ngân sách xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

5. Dự toán thu, chi ngân sách năm 2023, Ủy ban nhân dân các xã, phường trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước ngày 31/12/2022, chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân các xã, phường giao dự toán ngân sách năm sau cho các tổ chức thuộc cấp mình đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã và Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã theo quy định.

Điều 3.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức thực hiện quyết định này đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ công khai ngân sách theo qui định.

2. Giao Trưởng Phòng Tài chính – KH căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các xã, phường triển khai thực hiện dự toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Trung ương về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã, Chi cục Trưởng Chi cục thuế khu vực AyunPa - Phú Thiện - Ia

Pa, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Tài chính (báo cáo);
- T/T Thị ủy (báo cáo);
- T/T HĐND thị xã (báo cáo);
- CT và các PCT UBND TX;
- Ban KTXH HĐND TX;
- Lưu VT.B. ^{TCKH}

sh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH

Dặng Xuân Toàn



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023****ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG SÔNG BỜ**

(Kèm theo Quyết định số: 195/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thị xã Ayun Pa)

Đơn vị tính: *Ngàn đồng*

S TT	Chỉ tiêu thu	Tổng số	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	TỔNG THU NSNN	1.892.000	
1	Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	1.413.100	
2	Ngân sách xã hưởng theo phân cấp	478.900	
II	Thu cân đối NSNN	1.892.000	
1	Thuế GTGT	565.000	
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	24.000	
3	Thuế tài nguyên	0	
4	Thuế thu nhập cá nhân	928.000	
5	Lệ phí trước bạ	190.000	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	84.000	
7	Lệ phí môn bài	44.000	
8	Phí và lệ phí	22.000	
9	Thu khác và phạt các loại	35.000	
	Trong đó: - Phạt trật tự ATGT	0	
	- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi nông sản	32.000	
III	TỔNG THU NGÂN SÁCH CẤP XÃ	5.064.734	
1	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	478.900	
2	Thu bổ sung ngân sách cấp huyện	4.585.834	
a	Bổ sung cân đối	4.585.834	
b	Bổ sung có mục tiêu	0	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ (I+II)	5.064.734	
I	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (1+2+3)	5.064.734	
1	Chi đầu tư XD CB	0	
2	Chi thường xuyên (1)	4.963.439	
	Trong đó:		
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	78.318	
3	Dự phòng ngân sách	101.295	
II	Bổ sung có mục tiêu	0	

Ghi chú:

(1) Chi thường xuyên: Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2023 thực hiện cải cách tiền lương là 137,741 triệu đồng; chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo là mức chi tối thiểu theo Quyết định của UBND thị xã./.



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023****ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐOÀN KẾT**

(Kèm theo Quyết định số: 195/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND thị xã Ayun Pa)

Đơn vị tính: Ngân đồng

S TT	Chỉ tiêu thu	Tổng số	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	TỔNG THU NSNN	5.145.500	
1	Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	3.932.900	
2	Ngân sách xã hưởng theo phân cấp	1.212.600	
II	Thu cân đối NSNN	5.145.500	
1	Thuế GTGT	2.214.000	
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	73.000	
3	Thuế tài nguyên	19.000	
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.013.000	
5	Lệ phí trước bạ	380.000	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	60.000	
7	Lệ phí môn bài	213.000	
8	Phí và lệ phí	58.000	
9	Thu khác và phạt các loại	115.500	
	Trong đó: - Phạt trật tự ATGT	0	
	- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi nông sản	114.500	
III	TỔNG THU NGÂN SÁCH	6.212.999	
1	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	1.212.600	
2	Thu bổ sung ngân sách cấp huyện	5.000.399	
a	Bổ sung cân đối	4.946.759	
b	Bổ sung có mục tiêu	53.640	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ (I+II)	6.212.999	
I	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (1+2+3)	6.159.359	
1	Chi đầu tư XD CB	0	
2	Chi thường xuyên (1)	6.036.172	
	Trong đó:		
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	96.392	
3	Dự phòng ngân sách	123.187	
II	Bổ sung có mục tiêu	53.640	
1	Hỗ trợ thù lao Hội đặc thù	53.640	

Ghi chú:

(1) Chi thường xuyên: Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2023 thực hiện cải cách tiền lương là 147,065 triệu đồng; chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo là mức chi tối thiểu theo Quyết định của UBND thị xã./.



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023****ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HÒA BÌNH**(Kèm theo Quyết định số: 195 /QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thị xã Ayun Pa)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

S TT	Chi tiêu thu	Tổng số	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	TỔNG THU NSNN	1.522.565	
1	Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	1.118.300	
2	Ngân sách xã hưởng theo phân cấp	404.265	
II	Thu cân đối NSNN	1.522.565	
1	Thuế GTGT	332.000	
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.000	
3	Thuế tài nguyên	11.000	
4	Thuế thu nhập cá nhân	854.000	
5	Lệ phí trước bạ	210.000	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	26.000	
7	Lệ phí môn bài	26.000	
8	Phí và lệ phí	27.000	
9	Thu khác và phạt các loại	26.565	
	Trong đó: - Phạt trật tự ATGT	0	
	- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi nông sản	26.500	
III	TỔNG THU NGÂN SÁCH CẤP XÃ	5.179.159	
1	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	404.265	
2	Thu bổ sung ngân sách cấp huyện	4.774.894	
a	Bổ sung cân đối	4.721.254	
b	Bổ sung có mục tiêu	53.640	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ (I+II)	5.179.159	
I	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (1+2+3)	5.125.519	
1	Chi đầu tư XDCB	0	
2	Chi thường xuyên (1)	5.023.009	
	Trong đó:		
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	57.177	
3	Dự phòng ngân sách	102.510	
II	Bổ sung có mục tiêu	53.640	
1	Hỗ trợ thù lao Hội đặc thù	53.640	

Ghi chú:

(1) Chi thường xuyên: Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2023 thực hiện cải cách tiền lương là 129,173 triệu đồng; chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo là mức chi tối thiểu theo Quyết định của UBND thị xã./.



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023****ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHEO REO**

(Kèm theo Quyết định số: 195/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND thị xã Ayun Pa)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

S TT	Chi tiêu thu	Tổng số	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	TỔNG THU NSNN	1.327.300	
1	Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	743.100	
2	Ngân sách xã hưởng theo phân cấp	584.200	
II	Thu cân đối NSNN	1.327.300	
1	Thuế GTGT	348.000	
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.000	
3	Thuế tài nguyên	0	
4	Thuế thu nhập cá nhân	453.000	
5	Lệ phí trước bạ	100.000	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.000	
7	Lệ phí môn bài	30.000	
8	Phí và lệ phí	33.000	
9	Thu khác và phạt các loại	346.300	
	Trong đó: - Phạt trật tự ATGT		
	- Tiền cho thuê sạp chợ	277.000	
	- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi nông sản	69.000	
III	TỔNG THU NGÂN SÁCH	5.214.477	
1	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	584.200	
2	Thu bổ sung ngân sách cấp huyện	4.630.277	
a	Bổ sung cân đối	4.576.637	
b	Bổ sung có mục tiêu	53.640	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ (I+II)	5.214.477	
I	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (1+2+3)	5.160.837	
1	Chi đầu tư XD CB	0	
2	Chi thường xuyên (1)	5.057.620	
	Trong đó:		
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	53.752	
3	Dự phòng ngân sách	103.217	
II	Bổ sung có mục tiêu	53.640	
1	Hỗ trợ thù lao Hội đặc thù	53.640	

Ghi chú:

(1) Chi thường xuyên: Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2023 thực hiện cải cách tiền lương là 127,784 triệu đồng; chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo là mức chi tối thiểu theo Quyết định của UBND thị xã./

9/

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHƯ BĂH**

(Kèm theo Quyết định số: 195/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND thị xã Ayun Pa)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

S TT	Chi tiêu thu	Tổng số	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	TỔNG THU NSNN	293.350	
1	Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	142.800	
2	Ngân sách xã hưởng theo phân cấp	150.550	
II	Thu cân đối NSNN	293.350	
1	Thuế GTGT	49.000	
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	
3	Thuế tài nguyên	10.000	
4	Thuế thu nhập cá nhân	133.000	
5	Lệ phí trước bạ	45.000	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.000	
7	Lệ phí môn bài	5.000	
8	Phí và lệ phí	16.000	
9	Thu khác và phạt các loại	28.350	
	Trong đó: - Phạt trật tự ATGT	0	
	- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi nông sản	28.000	
III	TỔNG THU NGÂN SÁCH CẤP XÃ	5.081.605	
1	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	150.550	
2	Thu bổ sung ngân sách cấp huyện	4.931.055	
a	Bổ sung cân đối	4.892.355	
b	Bổ sung có mục tiêu	38.700	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ (I+II)	5.081.605	
I	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (1+2+3)	5.042.905	
1	Chi đầu tư XDCB	0	
2	Chi thường xuyên (1)	4.942.047	
	Trong đó:		
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	68.337	
3	Dự phòng ngân sách	100.858	
II	Bổ sung có mục tiêu	38.700	
1	Mua sắm thiết bị dàn âm thanh hội trường	38.700	

Ghi chú:

(1) Chi thường xuyên: Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2023 thực hiện cải cách tiền lương là 130,404 triệu đồng; chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo là mức chi tối thiểu theo Quyết định của UBND thị xã./.



**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ IA RBOL**

(Kèm theo Quyết định số: 195/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thị xã Ayun Pa)

Đơn vị tính: *Ngàn đồng*

S TT	Chỉ tiêu thu	Tổng số	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	TỔNG THU NSNN	98.946	
1	Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	29.000	
2	Ngân sách xã hưởng theo phân cấp	69.946	
II	Thu cân đối NSNN	98.946	
1	Thuế GTGT	14.000	
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	
3	Thuế tài nguyên	0	
4	Thuế thu nhập cá nhân	24.000	
5	Lệ phí trước bạ	5.000	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	
7	Lệ phí môn bài	0	
8	Phí và lệ phí	17.000	
9	Thu khác và phạt các loại	38.946	
	Trong đó: - Phạt trật tự ATGT		
	- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi nông sản	38.500	
III	TỔNG THU NGÂN SÁCH CẤP XÃ	5.556.518	
1	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	69.946	
2	Thu bổ sung ngân sách cấp huyện	5.486.572	
a	Bổ sung cân đối	5.432.932	
b	Bổ sung có mục tiêu	53.640	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ (I+II)	5.556.518	
I	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (1+2+3)	5.502.878	
1	Chi đầu tư XD CB	0	
2	Chi thường xuyên (1)	5.392.820	
	Trong đó:		
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	64.967	
3	Dự phòng ngân sách	110.058	
II	Bổ sung có mục tiêu	53.640	
1	Hỗ trợ thù lao Hội đặc thù	53.640	

Ghi chú:

(1) Chi thường xuyên: Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2023 thực hiện cải cách tiền lương là 129,102 triệu đồng; chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo là mức chi tối thiểu theo Quyết định của UBND thị xã./.



ĐƠN XÉT ĐỀ NGHỊ
TẠO ĐƠN VỊ MỚI

Quê hương: ...

Chức vụ: ...

Đơn vị: ...

Họ và tên: ...

Ngày sinh: ...

Quê quán: ...

Đang ở: ...

Đang làm: ...

Đang học: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đang ở: ...

Đã được ...

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ IA SAO**

(Kèm theo Quyết định số: 195/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thị xã Ayun Pa)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

S TT	Chi tiêu thu	Tổng số	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	TỔNG THU NSNN	321.750	
1	Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	179.400	
2	Ngân sách xã hưởng theo phân cấp	142.350	
II	Thu cân đối NSNN	321.750	
1	Thuế GTGT	110.000	
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	
3	Thuế tài nguyên	0	
4	Thuế thu nhập cá nhân	128.000	
5	Lệ phí trước bạ	50.000	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	
7	Lệ phí môn bài	6.000	
8	Phí và lệ phí	12.000	
9	Thu khác và phạt các loại	15.750	
	Trong đó: - Phạt trật tự ATGT		
	- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi nông sản	15.500	
III	TỔNG THU NGÂN SÁCH CẤP XÃ	5.048.139	
1	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	142.350	
2	Thu bổ sung ngân sách cấp huyện	4.905.789	
a	Bổ sung cân đối	4.878.969	
b	Bổ sung có mục tiêu	26.820	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ (I+II)	5.048.139	
I	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (1+2+3)	5.021.319	
1	Chi đầu tư XD CB		
2	Chi thường xuyên (1)	4.920.892	
	Trong đó:		
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	62.364	
3	Dự phòng ngân sách	100.426	
II	Bổ sung có mục tiêu	26.820	
1	Hỗ trợ thù lao Hội đặc thù	26.820	

Ghi chú:

(1) Chi thường xuyên: Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2023 thực hiện cải cách tiền lương là 128,096 triệu đồng; chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo là mức chi tối thiểu theo Quyết định của UBND thị xã./.

INSTITUTIONAL REVIEW BOARD

OF THE UNIVERSITY OF CALIFORNIA

IRB # 10-001-01



Page 1

Page 2

Page 3

Page 4

Page 5

Page 6

Page 7

Page 8

Page 9

Page 10

Page 11

Page 12

Page 13

Page 14

Page 15

Page 16

Page 17

Page 18

Page 19

Page 20

Page 21

Page 22

Page 23

Page 24

Page 25

Page 26

Page 27

Page 28

Page 29

Page 30

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023****ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ IA RTÔ**

(Kèm theo Quyết định số: 195/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thị xã Ayun Pa)

Đơn vị tính: *Ngàn đồng*

S TT	Chi tiêu thu	Tổng số	Ghi chú
A	DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	TỔNG THU NSNN	488.500	
1	<i>Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp</i>	<i>194.200</i>	
2	<i>Ngân sách xã hưởng theo phân cấp</i>	<i>294.300</i>	
II	Thu cân đối NSNN	488.500	
1	Thuế GTGT	18.000	
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	
3	Thuế tài nguyên	0	
4	Thuế thu nhập cá nhân	227.000	
5	Lệ phí trước bạ	100.000	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	
7	Lệ phí môn bài	3.000	
8	Phí và lệ phí	4.000	
9	Thu khác và phạt các loại	136.500	
	<i>Trong đó: - Phạt trật tự ATGT</i>	<i>0</i>	
	<i>- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi nông sản</i>	<i>136.000</i>	
III	TỔNG THU NGÂN SÁCH CẤP XÃ	5.149.054	
1	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	294.300	
2	Thu bổ sung ngân sách cấp huyện	4.854.754	
a	<i>Bổ sung cân đối</i>	<i>4.827.934</i>	
b	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>26.820</i>	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ (I+II)	5.149.054	
I	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (1+2+3)	5.122.234	
1	Chi đầu tư XD CB	0	
2	Chi thường xuyên (1)	5.019.789	
	Trong đó:		
	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	46.654	
3	Dự phòng ngân sách	102.445	
II	Bổ sung có mục tiêu	26.820	
1	Hỗ trợ thù lao Hội đặc thù	26.820	

Ghi chú:

(1) Chi thường xuyên: Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2023 thực hiện cải cách tiền lương là 122,026 triệu đồng; chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo là mức chi tối thiểu theo Quyết định của UBND thị xã./.

